

CÓ NÊN khống chế tỷ lệ cho vay đầu tư, kinh doanh chứng

THS. NGUYỄN HOÀNG VĨNH LỘC - TRẦN THIÊN ÂN

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, giám sát các hoạt động về chứng khoán (CK), ngày 28/05/2007, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã ban hành chỉ thị 03/2007/CT-NHNN về kiểm soát quy mô, chất lượng tín dụng và cho vay đầu tư, kinh doanh CK nhằm kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Lý do để ban hành chỉ thị này theo NHNN Việt Nam là vốn tín dụng có xu hướng tăng trưởng ở mức cao so với cùng kỳ các năm trước và mục tiêu cả năm, có thể ảnh hưởng không thuận lợi đối với kiểm soát lạm phát trong năm nay và các năm tới, chất lượng tín dụng đối với một số ngành, lĩnh vực chưa cao, cho vay để đầu tư, kinh doanh CK đang điều chỉnh theo xu hướng giảm, việc thu thập thông tin từ thị trường để đánh giá, quản trị rủi ro còn bất cập.

Sau phần yêu cầu các tổ chức tín dụng (TCTD) thực hiện các giải pháp kiểm soát quy mô, chất lượng tín dụng theo chỉ thị 03, Thống đốc NHNN Việt Nam cũng đồng thời yêu cầu các TCTD thực hiện các biện pháp về an toàn để góp phần thúc đẩy thị trường CK phát triển bền vững, đồng thời hạn chế rủi ro các khoản cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá (GTCG) để đầu tư, kinh doanh CK.

Một trong những biện pháp để hạn chế rủi ro các khoản cho vay, chiết khấu GTCG để đầu tư, kinh doanh CK mà Thống đốc NHNN yêu cầu các TCTD phải thực hiện, đó là “*khống chế dư nợ mức cho vay, chiết khấu GTCG dưới 3% tổng dư nợ tín dụng của TCTD*”.

Sau đó vào ngày 28/06/2007, Thống đốc NHNN đã ký văn bản số 7021 hướng dẫn thực hiện chỉ thị 03 nói trên và xác định lại một

cách rõ ràng dư nợ vốn cho vay và chiết khấu GTCG để đầu tư, kinh doanh CK bao gồm:

(1) Cho vay và chiết khấu GTCG đối với các công ty CK;

(2) Cho vay có cầm cố bằng CK và/hoặc bảo đảm bằng tài sản khác đối với khách hàng sử dụng vốn vay để mua các loại CK với mục đích đầu tư ngắn hạn và/hoặc dài hạn;

(3) Cho vay ứng trước tiền đối với khách hàng đã bán CK và sử dụng tiền để mua CK;

(4) Cho vay đối với khách hàng để bổ sung tiền thiếu khi lệnh mua CK được khớp;

(5) Chiết khấu GTCG đối với khách hàng để sử dụng số tiền chiết khấu mua CK;

(6) Các khoản cho vay và chiết khấu GTCG dưới các hình thức khác mà khách hàng sử dụng vốn vay để mua CK.

Khách hàng trong quy định trên không bao gồm: Công ty CK, TCTD, người lao động trong công ty nhà nước mua cổ phần lần đầu khi chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

NHNN bằng văn bản 7021 cũng đồng thời hướng dẫn lộ trình thực hiện chỉ thị 03 theo đó các ngân hàng chưa sử dụng hết 3% thì phải thực hiện nghiêm túc kể từ ngày 1/7/2007. Các ngân hàng đã vượt quá tỷ lệ 3% phải tiến hành thu nợ và giảm tỷ lệ về mức an toàn cho đến thời hạn cuối là ngày 31/12/2007.

Sau khi chỉ thị 03 được ban hành đã vấp phải những phản ứng trái ngược nhau (đồng tình hoặc không đồng tình) từ phía các TCTD và các nhà đầu tư. Các ý kiến đồng tình thì cho rằng tỷ lệ khống chế như vậy là cần thiết để kiểm soát

rủi ro trong lĩnh vực cho vay đầu tư, kinh doanh CK của các TCTD và dù sao thì các TCTD cũng phải chấp hành theo đúng tinh thần chỉ thị 03 của Thống đốc NHNN (chủ yếu là từ phía các NHTM nhà nước). Tuy nhiên cũng có không ít ý kiến tỏ ra không đồng tình, thậm chí là những phản ứng khá gay gắt khi cho rằng NHNN đã can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh doanh của các TCTD và rằng NHNN thực hiện biện pháp khống chế như vậy chẳng khác nào đã “chặn dòng” nguồn vốn tín dụng đầu tư, kinh doanh CK của các nhà đầu tư (chủ yếu là từ các NHTM cổ phần và các chuyên gia, các nhà nghiên cứu). Các ý kiến không đồng tình bao gồm:

Thứ nhất, cơ sở nào để NHNN Việt Nam đưa ra tỷ lệ khống chế là 3%?

Để trả lời được câu hỏi này, chúng ta có thể xem xét các số liệu về tỷ lệ nợ xấu của hệ thống NHTM Việt Nam hiện nay.

Theo các số liệu thống kê không chính thức từ NHNN, tính đến hết năm 2006, tổng dư nợ cho vay cả nước khoảng 700.000 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay, chiết khấu GTCG để đầu tư, kinh doanh CK chiếm khoảng 2,6% tổng dư nợ cho vay cả nước, ước tính khoảng 18.000 tỷ đồng. Như vậy, nếu NHNN muốn giữ tỷ lệ tăng trưởng tín dụng ở mức dự kiến là 20% trong năm nay và khống chế tỷ lệ cho vay đầu tư, kinh doanh CK tối đa là 3% thì tổng dư nợ cho vay đầu tư, kinh doanh CK đến hết năm 2007 sẽ bị khống chế dưới mức 25.000 tỷ đồng¹. Trong khi đó, các số liệu được thông tin gần đây cho thấy, tỷ lệ nợ xấu được phân loại theo quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc NHNN ban hành Quy định về

phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đến đầu năm 2007 của toàn hệ thống NHTM Việt Nam là 5,08%, trong đó nhóm các NHTM nhà nước hiện đang dẫn đầu với tỷ lệ nợ xấu là 6.49%, trong khi đó tỷ lệ này ở nhóm các NHTM cổ phần là từ 1 – 2%, thấp nhất thuộc nhóm các ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài với tỷ lệ nợ xấu chỉ khoảng 0,1%².

Mặt khác, qua tham khảo các nguồn tin từ báo chí cung cấp cho thấy tỷ lệ cho vay đầu tư, kinh doanh CK ở các NHTM nhà nước hiện rất thấp, chỉ khoảng trên dưới 1%. Trong khi đó, hiện có đến 12 NHTM cổ phần có tỷ lệ cho vay đầu tư, kinh doanh CK vượt 3% và chiếm tỷ lệ bình quân là 7% tổng dư nợ cho vay của khối ngân hàng này, một số ít NHTM cổ phần đô thị nhỏ (mới chuyển từ NHTM cổ phần nông thôn) có tỷ lệ cho vay đầu tư, kinh doanh CK chiếm tới 40-50% tổng dư nợ của ngân hàng này. Khối ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hầu như đang đứng ngoài cuộc. Do đó về mặt lý thuyết thì nếu như tình huống xấu nhất xảy ra (thực tế thì khó có khả năng nếu không muốn nói là không thể) là toàn bộ các khoản cho vay đầu tư, kinh doanh CK đến cuối năm nay đều trở thành nợ xấu thì tỷ lệ nợ xấu của khối NHTM cổ phần vẫn dưới 5%. Bên cạnh đó khối ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho dù có vào cuộc đi chăng nữa thì tỷ lệ nợ xấu này cũng không hơn 5%. Đối với khối NHTM nhà nước thì tỷ lệ nợ xấu trong tình huống này sẽ tăng thêm 1% do không có dấu hiệu cho thấy khối ngân hàng này sẽ mở rộng cho vay thêm ở lĩnh vực này. Vì vậy tỷ lệ nợ xấu của khối ngân hàng này sẽ tăng lên 7,5%. Tỷ lệ này dù sao vẫn còn tốt hơn so với nhiều năm trước đây. Dĩ nhiên là các số liệu dự tính về tỷ lệ nợ xấu nói trên chỉ có thể xảy ra với điều kiện là tỷ lệ nợ xấu ở những lĩnh vực cho vay khác của các TCTD không được tăng thêm.

Thứ hai, tại sao chiết khấu,

cầm cố GTCG có tính thanh khoản cao, cho vay ứng trước tiền đối với khách hàng đã bán CK và cho vay có đảm bảo bằng tài sản khác để khách hàng đầu tư, kinh doanh CK đều bị khống chế?

Theo Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu GTCG của TCTD đối với khách hàng ban hành kèm theo quyết định số 3125/2004/QĐ-NHNN ngày 15/10/2004 của Thống đốc NHNN thì các GTCG được các TCTD lựa chọn chiết khấu, tái chiết khấu bao gồm:

- (1) Các GTCG của TCTD phát hành;
- (2) Tín phiếu NHNN phát hành;
- (3) Các loại trái phiếu chính phủ và chính quyền địa phương, bao gồm: Tín phiếu kho bạc, Trái phiếu kho bạc, Trái phiếu công trình trung ương, Trái phiếu đầu tư, Trái phiếu ngoại tệ, Công trái xây dựng tổ quốc, Trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương;
- (4) Các tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu do tổ chức khác phát hành.

Trong các loại GTCG trên dễ dàng nhận thấy rằng, các loại trái phiếu chính phủ và chính quyền địa phương có tính thanh khoản cao nhất và được xếp vào loại tài sản tương đương tiền trên bảng cân đối kế toán của các doanh nghiệp. Kế đến là tín phiếu do NHNN phát hành và các GTCG do TCTD phát hành (kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu...). Cuối cùng là các GTCG do các tổ chức khác phát hành. Hiện nay trên thị trường tài chính Việt Nam phần lớn GTCG đang được giao dịch là do Chính phủ và Chính quyền địa phương (Hà Nội & TP. Hồ Chí Minh), các TCTD và NHNN phát hành. Các GTCG do các tổ chức khác rất ít phát hành và chủ yếu tập trung ở một vài tập đoàn hay tổng công ty lớn của nhà nước dưới hình thức phát hành các loại trái phiếu công ty. Các GTCG này phần lớn là do các nhà đầu tư là tổ chức nắm giữ, các nhà đầu tư cá nhân hầu như ít nắm giữ.

Nếu xem xét về thị trường giao dịch các loại GTCG này thì có thể nhận thấy rằng, hiện nay đã có một vài ngân hàng chấp nhận chiết khấu một số loại trái phiếu do Chính phủ phát hành (Ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam...). Bên cạnh đó, hầu như là TCTD nào đã phát hành GTCG thì cũng đồng thời chấp nhận chiết khấu GTCG do chính TCTD đó đã phát hành. Do đó TCTD sẽ rất khó giải thích được với khách hàng là tại sao khách hàng không được chiết khấu GTCG tại TCTD đã phát hành để đầu tư, kinh doanh CK do TCTD đã hết hạn mức. Trong trường hợp như vậy khách hàng chỉ còn cách là phải xin rút trước hạn và chịu thiệt mất một phần lãi. Mặt khác, đối với những GTCG do NHNN hoặc Chính phủ/Chính quyền địa phương phát hành sẽ là những công cụ được giao dịch trên thị trường mở hoặc các TCTD có thể cầm cố, tái chiết khấu với nhau hoặc với NHNN để vay vốn. Do đó việc các TCTD thực hiện chiết khấu GTCG (ngoại trừ trái phiếu do các công ty phát hành) để khách hàng đầu tư, kinh doanh CK là nghiệp vụ cho vay khá an toàn nên không cần thiết phải khống chế. Trong trường hợp bị khống chế dư nợ chiết khấu GTCG cũng đồng nghĩa với việc giảm được nhu cầu cầm cố hoặc tái chiết khấu GTCG của NHNN đối với các TCTD từ nay đến cuối năm. Vì vậy biện pháp này có tác dụng kiểm soát được tốc độ tăng trưởng tín dụng và kiềm chế được lạm phát thông qua kênh cung ứng tiền.

Ngoài việc khống chế dư nợ chiết khấu GTCG như trên thì các TCTD còn bị khống chế dư nợ cho vay cầm cố GTCG là trái phiếu và các tài sản khác để cho khách hàng vay đầu tư, kinh doanh CK. Nhận định này được đưa ra dựa trên quy định khống chế dư nợ cầm cố CK nói trên mà CK thì bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai, nhóm CK hoặc chỉ số CK. Từ đó có thể kết luận một điều là, nếu NHNN không cần thiết phải khống chế dư nợ chiết

khẩu GTCG (ngoại trừ các loại trái phiếu do các công ty phát hành) thì cũng không cần thiết không chế dư nợ cầm cố trái phiếu do Chính phủ/Chính quyền địa phương, các tổ chức tài chính phát hành.

Đối với việc cho vay cầm cố các tài sản khác không phải là CK như nhà cửa, bất động sản, xe cộ... để đầu tư, kinh doanh CK thiết nghĩ cũng không cần thiết phải không chế bởi lẽ trong trường hợp giá cả CK trên thị trường sụt giảm khiến nhà đầu tư không trả được hết nợ cho TCTD từ số tiền bán CK thu được thì TCTD cũng còn có nguồn thu nợ thứ hai là từ tài sản bảo đảm. Phải chăng do lo ngại thị trường bất động sản vẫn còn trong giai đoạn trầm lắng nên NHNN đã không chế luôn phần dư nợ cho vay này để tránh cho các TCTD phải gặp rủi ro do không xử lý được khối tài sản bảo đảm thu nợ trong điều kiện thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng. Tuy nhiên tình huống này nhìn chung là rất khó xảy ra bởi lẽ thị trường bất động sản trong những năm tới được dự báo là sẽ khởi sắc do ngày càng có nhiều quỹ đầu tư và nhà đầu tư trong và ngoài nước đang chuẩn bị đầu tư vào các dự án bất động sản lớn. Ở một khía cạnh khác, biện pháp không chế này cũng sẽ có tác dụng bảo vệ được những nhà đầu tư do không am hiểu gì về CK và TTCK nhưng lại liều lĩnh đem tài sản thế chấp, cầm cố để đầu tư, kinh doanh CK có thể dẫn đến thua lỗ và bị mất tài sản.

Cuối cùng, một trong những mức dư nợ cho vay cũng bị không chế đó là dư nợ cho vay ứng trước tiền đối với khách hàng đã bán CK và sử dụng tiền vay ứng trước này để mua CK.

Quy định này sẽ có tác dụng gián tiếp hạn chế hành vi đầu cơ trên TTCK – một hoạt động mà giới đầu tư chuyên nghiệp gọi là “lướt sóng”. Nghiệp vụ cho vay này xuất phát từ quy định là các công ty CK chỉ được ghi có tiền vào tài khoản tiền gửi thanh toán và tài khoản lưu ký CK của khách hàng sau 3 ngày kể từ ngày giao dịch bán được thực hiện thành công

(thường được gọi tắt quy định T + 3). Thế nhưng nếu xét về góc độ an toàn thì rõ ràng nghiệp vụ cho vay ứng trước này còn an toàn hơn là nghiệp vụ cho vay ứng trước bộ chứng từ hàng xuất của các TCTD đối với đơn vị xuất khẩu bởi vì: (1) TCTD không bao giờ ứng trước tiền vượt quá số tiền thu được của người bán CK và (2) Người bán chắc chắn sẽ thu được tiền do người mua không thể mua được CK khi chưa có đủ tiền trong tài khoản mở tại công ty CK.

Vậy thì có cần phải không chế dư nợ cho vay đầu tư, kinh doanh CK hay không?

Quả thật đây là câu hỏi lớn và không dễ gì tìm được câu trả lời làm hài lòng tất cả mọi người. Để trả lời được câu hỏi này chúng ta hãy thử đặt ra một câu hỏi ngược lại là nếu các TCTD không bị không chế tỷ lệ 3% thì điều gì sẽ xảy ra? Có khả năng là sẽ có nhiều NHTM cổ phần mở rộng cho vay lĩnh vực này vì cho đến thời điểm hiện nay, nó được xem là lĩnh vực cho vay mang lại khoản lợi nhuận hấp dẫn nhưng khá an toàn cho các ngân hàng do khách hàng vay phải có tài sản bảo đảm hoặc các ngân hàng áp dụng tỷ lệ cho vay thấp tính trên thị giá cổ phiếu nhận cầm cố (từ 20 – 50%), đồng thời giới hạn số tiền cho vay không quá 4 – 5 lần mệnh giá cổ phiếu. Mặt khác các ngân hàng đều có quy định cụ thể danh mục các cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch chưa niêm yết (OTC) nào được nhận cầm cố chứ không phải bất cứ cổ phiếu nào cũng được nhận cầm cố cho khách hàng vay vốn để đầu tư, kinh doanh CK. Bên cạnh đó các ngân hàng còn ràng buộc một điều kiện là khi thị giá cổ phiếu giảm xuống đến một mức nào đó so với thị giá ở thời điểm nhận cầm cố (thường là 50%) thì ngân hàng được quyền bán cổ phiếu để thu hồi nợ.

Cứ cho rằng hầu hết các NHTM cổ phần đã có thời gian hoạt động trên 10 năm có tỷ lệ cho vay đầu tư, kinh doanh CK được dự kiến là

có thể lên đến từ 10 – 15% tổng dư nợ cho vay của các ngân hàng này thì đây sẽ là một tỷ lệ cho vay khá cao ở một lĩnh vực mà TCTD khó có thể tăng thêm nữa. Đối với những NHTM cổ phần nào đang có tỷ lệ cho vay đầu tư, kinh doanh CK thấp và muốn đạt được đến tỷ lệ này cũng khó thực hiện được trong một khoảng thời gian ngắn (trừ các NHTM cổ phần có quy mô nhỏ và/hoặc mới thành lập), bởi lẽ các NHTM này khó có thể tái cấu trúc danh mục cho vay của mình trong khoảng thời gian quá ngắn như vậy. Mặt khác các ngân hàng này còn phải mở rộng cho vay sang nhiều lĩnh vực, địa bàn hay khách hàng mới nhằm mục đích phân tán rủi ro chứ chưa nói đến khả năng bị không chế hạn mức tín dụng từ NHNN.

Tỷ lệ cho vay đầu tư, kinh doanh CK chiếm từ 10 – 15% tổng dư nợ cũng xấp xỉ hoặc cao hơn từ 0 – 5% so với tỷ lệ 10% mà các TCTD đang cho vay ở lĩnh vực bất động sản. Mặc dù trong những năm gần đây thị trường bất động sản bị đóng băng và các TCTD được NHNN khuyến cáo là không nên cho vay thêm ở lĩnh vực này nhưng xem ra thì đây vẫn là lĩnh vực cho vay có mức độ rủi ro không nhiều đối với các TCTD. Nếu so với cho vay cầm cố CK thì cho vay thế chấp bất động sản có tính thanh khoản kém hơn và tỷ lệ cho vay cao hơn nên rủi ro đối với các TCTD sẽ nhiều hơn (ngoại trừ cho vay cầm cố cổ phiếu giao dịch OTC khi thị trường đóng băng có thể khó giao dịch nhưng không phải là không thể bán được với bất cứ giá nào). Do đó động thái không chế tỷ lệ 3% trong chỉ thị 03 vừa qua của NHNN phần nào cho thấy quan điểm thận trọng của NHNN trong chính sách quản lý cung ứng tín dụng cho nền kinh tế cũng như tâm lý “lo xa” của NHNN nhằm giúp cho các TCTD có thể tự miễn dịch được một khi TTCK Việt Nam rơi vào chu kỳ suy thoái lâu dài gây ra những thiệt hại khó lường.

Nhìn về diễn biến giao dịch cổ phiếu trên thị trường tập trung và phi tập trung có thể nhận thấy

là tính đến thời điểm cuối tháng 6 vừa qua, chỉ số VN-Index đang dao động xoay quanh mức 1.000 điểm (chỉ số giá cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch thuộc Trung tâm giao dịch CK TP.HCM) và chỉ số HaSTC-Index đang dao động ở mức trên 280 điểm (chỉ số giá cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch thuộc Trung tâm giao dịch CK TP. Hà Nội), tổng giá trị vốn hóa của TTCK Việt Nam theo thống kê của Ủy ban CK Nhà nước đạt 304.000 tỷ đồng, tương đương 31% GDP của Việt Nam. Cứ cho rằng một kịch bản xấu nhất không có ai mong đợi nhưng có thể gặp phải là cả hai chỉ số VN-Index và HaSTC-Index đến hết năm nay đều giảm mạnh xuống còn một nửa (tức VN-Index giảm xuống còn khoảng 500 điểm và HaSTC-Index giảm xuống còn khoảng 140 điểm) và quay trở về trạng thái như trước lúc có sự bùng nổ trên thị trường chứng khoán Việt Nam, kéo theo thị giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường phi tập trung cũng giảm mạnh hơn một nửa làm tổng giá trị vốn hóa của cả hai thị trường đều giảm và dĩ nhiên cũng sẽ làm “bốc hơi” tài sản của các nhà đầu tư, kinh doanh cổ phiếu bằng nguồn vốn vay TCTD (giả sử giảm còn một nửa). Tình huống này nếu có xảy ra cũng chưa chắc là các TCTD không thu hồi được đầy đủ vốn cho vay do như đã nói, do tỷ lệ cho vay tính trên thị giá cổ phiếu thường thấp hơn 50% hoặc khách hàng phải có tài sản bảo đảm là bất động sản, nhà cửa, xe cộ. Về mặt lý thuyết thì tình huống này có thể xảy ra thế nhưng đối chiếu với điều kiện thực tế của TTCK Việt Nam có thể kết luận rằng, xác suất xảy ra biến cố này là rất thấp, bởi lẽ mức đáy mà các chuyên gia đưa ra là chỉ số VN-Index có thể ở mức 600 điểm đã không xảy ra và các nhà đầu tư đang hy vọng thị trường sẽ hồi phục và có sự khởi sắc trong những tháng cuối năm do nền kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong năm nay, tình hình sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của các công ty niêm yết không có biểu hiện xấu, các quỹ đầu tư nước ngoài sẽ đổ vào TTCK Việt Nam

ngày càng nhiều.

Với những phân tích và nhận định như trên đã phần nào giúp chúng ta tìm được lời giải đáp cho câu hỏi là có cần phải khống chế dư nợ cho vay, chiết khấu GTCG đầu tư, kinh doanh CK hay không. Vấn đề còn lại là NHNN cần áp dụng các biện pháp hạn chế kỹ thuật nào thay cho biện pháp can thiệp hành chính như vừa qua rất dễ làm tổn thương các nhà đầu tư nhỏ lẻ trong nước và TTCK Việt Nam vốn còn non trẻ nên rất cần sự hỗ trợ để giúp nó trưởng thành hơn. Các TCTD thì cho rằng NHNN đã can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh doanh của họ còn các nhà nghiên cứu thì cho rằng NHNN đã áp dụng một liều thuốc quá mạnh để chỉ phòng ngừa một căn bệnh cảm xoàng. Các biện pháp kỹ thuật mà NHNN đã áp dụng như quy định hệ số rủi ro đối với các khoản cho vay để đầu tư vào CK cao nhất 150% tác động trực tiếp làm giảm hệ số an toàn vốn của các TCTD xuống, buộc TCTD phải giảm tỷ trọng cho vay đầu tư, kinh doanh CK để vẫn đáp ứng được tỷ lệ an toàn (trên 8%), hay như việc yêu cầu TCTD phải thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay đầu tư CK... rất được dư luận đồng tình cũng như là phù hợp với những cam kết khi gia nhập WTO của Việt Nam. Về phía các TCTD cũng cần phải đề ra các biện pháp để tự phòng ngừa và quản lý rủi ro tốt nhất. Muốn vậy các TCTD cần phải thực hiện ngay những biện pháp sau:

(1) Xây dựng quy trình cho vay, chiết khấu GTCG đầu tư, kinh doanh CK một cách chặt chẽ;

(2) Bố trí cán bộ chuyên trách cho vay lĩnh vực này;

(3) Bổ sung vào chính sách quản lý rủi ro tín dụng cụ thể tỷ trọng cho vay tối đa lĩnh vực này;

(4) Ban hành và cập nhật thường xuyên danh mục các cổ phiếu được nhận cầm cố, tỷ lệ cho vay tối đa trên thị giá cổ phiếu vào thời điểm nhận cầm cố, trường hợp TCTD được quyền bán cổ phiếu thu

hồi nợ trước hạn.

(5) Bố trí cán bộ quản lý rủi ro các khoản cho vay đầu tư, kinh doanh CK;

(6) Xây dựng hệ thống thu thập thông tin và phân tích xu hướng biến động cổ phiếu nhận cầm cố, hệ thống cảnh báo rủi ro hữu hiệu;

(7) Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ đối với các khoản cho vay đầu tư, kinh doanh CK.

Nếu những biện pháp trên đây đã được thực hiện mà vẫn chưa làm NHNN yên tâm và nhất thiết cần phải khống chế dư nợ cho vay đầu tư, kinh doanh CK thì theo chúng tôi, NHNN nên thực hiện biện pháp can thiệp hành chính một cách mềm dẻo hơn. Cụ thể là NHNN chỉ cần khống chế dư nợ cho vay cầm cố cổ phiếu, trái phiếu công ty, chiết khấu GTCG là trái phiếu công ty để đầu tư, kinh doanh CK mà thôi. Có như vậy mới tránh được việc tạo ra những cú sốc không có lợi cho TTCK Việt Nam và làm đảo lộn kế hoạch kinh doanh của các TCTD.

Nói tóm lại, việc có cần thiết khống chế dư nợ cho vay, chiết khấu GTCG để đầu tư, kinh doanh CK hay không là một vấn đề nhạy cảm, có ảnh hưởng đến nhiều nhà đầu tư, nhiều TCTD và TTCK Việt Nam nên rất cần có sự đồng thuận cao. Những phân tích và nhận định trong bài viết này có thể còn mang tính chủ quan và chưa toàn diện. Chúng tôi hy vọng nhận được sự trao đổi và chia sẻ của độc giả để nhằm tìm kiếm được những biện pháp quản lý khả thi nhất không chỉ vì lợi ích chung của nền kinh tế mà còn là vì lợi ích của các nhà đầu tư và các TCTD ■

CHÚ THÍCH

¹ <http://www.sbv.gov.vn/home/nghiencuu.asp?tin=353>

² Tạp chí ngân hàng số 3 + 4 /2007, trang 25.